

PGVN trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ

ISSN: 2734-9195

08:25 10/09/2025

Trong tiến trình lịch sử, từ kháng chiến đến kiến quốc, Phật giáo Việt Nam luôn chứng minh sức sống mạnh mẽ của mình, vừa là chỗ dựa tinh thần, vừa là lực lượng đồng hành cùng dân tộc trên mọi chặng đường.

Tác giả: **ThS.Đỗ Thị Ngọc Anh (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Mở đầu

Lịch sử dân tộc Việt Nam là bản trường ca bất khuất về ý chí độc lập, tự do và khát vọng thống nhất đất nước. Trong những trang sử hào hùng ấy, Phật giáo Việt Nam đã khẳng định vị thế là một bộ phận máu thịt của dân tộc, đồng hành cùng nhân dân trong mọi bước ngoặt của cách mạng. Từ tinh thần “*hộ quốc an dân*” được hun đúc qua hàng nghìn năm, Tăng ni và Phật tử đã hòa mình vào dòng chảy kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, biến giáo lý từ bi, trí tuệ thành sức mạnh tinh thần, ý chí đấu tranh và hành động cách mạng. Sự gắn bó giữa đạo và đời trong giai đoạn lịch sử này không chỉ góp phần làm nên thắng lợi của dân tộc, mà còn để lại dấu ấn sâu đậm về vai trò, bản lĩnh và giá trị nhân văn của Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp kháng chiến để giành độc lập, thống nhất Tổ quốc.

1. Phật giáo và truyền thống “*hộ quốc an dân*” trong lịch sử dân tộc

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ những thế kỷ đầu Công nguyên, sớm hòa nhập với văn hóa bản địa và trở thành thành tố bền vững của đời sống tinh thần dân tộc. Trong lịch sử, quan hệ giữa nhà nước và Phật giáo vận hành theo hai chiều: Chính trị hóa tôn giáo (từ trên xuống) và tôn giáo hóa chính trị (từ dưới

lên), nhưng luôn dựa trên nguyên tắc nhà nước thế tục, bảo đảm tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo. Pháp luật vừa bảo hộ vừa điều chỉnh hoạt động tôn giáo, tạo điều kiện để các giá trị từ bi, trí tuệ của Phật giáo lan tỏa, đóng góp vào đạo đức xã hội.

Thời Lý - Trần, Phật giáo đạt đỉnh cao, được triều đình bảo hộ và trọng dụng. Thiền sư Vạn Hạnh là quốc sư, góp phần quan trọng vào việc dời đô ra Thăng Long (1010). Các chính sách an dân, khoan dung, chăm lo dân sinh thời Lý phản ánh tinh thần từ bi của đạo Phật. Thời Trần, trước ba lần kháng chiến chống Nguyên - Mông, tinh thần “*hộ quốc an dân*” càng nổi bật. Vua Trần Thái Tông vừa là nhà lãnh đạo vừa là tác giả của tác phẩm “*Khóa hư lục*”, vận dụng triết lý Phật giáo vào trị quốc. Trần Nhân Tông sau khi lãnh đạo thắng lợi đã xuất gia, sáng lập Thiền phái Trúc Lâm, kết hợp đạo đời thành một chỉnh thể.



(Ảnh: Internet)

Đến khi thực dân Pháp xâm lược, tăng sĩ và Phật tử tích cực tham gia phong trào yêu nước, nhiều chùa trở thành cơ sở cách mạng như chùa Bà Đá (Hà Nội), chùa Từ Đàm (Huế). Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “... *Phật giáo Việt Nam với dân tộc như hình với bóng, tuy hai mà một. Tôi mong các Hòa thượng, Tăng, Ni và Phật tử hãy tích cực thực hiện tinh thần Từ bi, Vô ngã, Vị tha trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và giữ đạo để cùng toàn dân sống trong Độc lập, Tự do, Hạnh phúc*” (2). Giai đoạn 1954-1975, miền Bắc vận động tăng ni, Phật tử sản xuất, ủng hộ tiền tuyến; miền Nam chứng kiến phong trào đấu tranh 1963 chống chế độ Ngô Đình Diệm. Nhiều

tăng sĩ kết hợp đấu tranh bất bạo động và ủng hộ cách mạng, góp phần vào thắng lợi 1975.

Từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập (1981), truyền thống “hộ quốc an dân” tiếp tục phát huy trong công cuộc đổi mới, qua các hoạt động từ thiện, giáo dục, bảo vệ môi trường. Đây là kết quả của mô hình cộng sinh giữa nhà nước và tôn giáo, trong đó Phật giáo vừa là nguồn lực tinh thần vừa là lực lượng xã hội, bồi đắp sức mạnh quốc gia trong hội nhập toàn cầu.

2. Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp

Sau khi hoàn tất quá trình xâm lược, thực dân Pháp tiến hành thiết lập bộ máy cai trị và khai thác thuộc địa trên toàn cõi Việt Nam. Một trong những thủ đoạn tinh vi là lợi dụng tôn giáo làm công cụ kiểm soát tư tưởng, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc và đàn áp phong trào yêu nước. Nhiều ngôi chùa tại Hà Nội, Huế, Sài Gòn bị chiếm dụng; có trường hợp chùa bị cưỡng chiếm và cải tạo thành nhà thờ Thiên Chúa giáo.

Trước những chính sách áp bức này, Phật giáo Việt Nam vốn có truyền thống đồng hành cùng dân tộc đã kiên cường phản kháng. Nỗi đau mất mát về tôn giáo trở thành động lực tinh thần, thôi thúc Tăng Ni và Phật tử tích cực tham gia kháng chiến, để rồi “*Phật giáo đã trở thành một lực lượng chủ yếu trong phong trào kháng chiến*”.⁽³⁾

Ngay từ cuối thập niên 1930, phong trào chấn hưng Phật giáo lan rộng, tạo sự kết nối giữa ba miền. Nhiều tổ chức yêu nước của Phật giáo được thành lập như *Tăng gia Cứu quốc*, **Đoàn Phật giáo Cứu quốc**, *Bộ đội Tăng già*, *Hội Phật giáo Cứu quốc*... nhằm tập hợp, vận động Tăng Ni, Phật tử ủng hộ cách mạng. Từ đây xuất hiện nhiều nhân vật tiêu biểu: sư Yết-ma Thông (chùa Thới Thượng, Gia Định) tham gia Khởi nghĩa Nam Kỳ (1940), bị Pháp bắt và xử tử tại Bà Điểm; Hòa thượng Đồng (chùa Tam Bảo) biến chùa thành cơ sở chế tạo đạn, bị bắt, đày Côn Đảo và hy sinh tại đây.

Không ít ngôi chùa trở thành trung tâm hoạt động cách mạng. Chùa Đồng Kỵ (Hà Bắc) là cơ sở của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, từng đón các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ, Lê Đức Thọ, Nguyễn Lương Bằng... Chùa Linh Sơn (Sài Gòn) gắn với hoạt động của sư Thiện Chiếu; ở Huế, các chùa Từ Đàm, Từ Hiếu, Quốc Ân, Báo Quốc... trở thành điểm tụ họp của Thanh niên Cứu quốc và cán bộ Việt Minh.

Ngày 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tăng Ni, Phật tử cùng nhân dân khẩn trương chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Ngày 08/6/1945, Chiến khu Đông Triều – Chí Linh thành lập, toàn thể Tăng Ni chùa Yên Tử tham gia kháng Nhật, hỗ trợ hậu cần và bảo vệ căn cứ. Ngày 15/8/1945, tạp chí **Đuốc Tuệ** (Hội Phật giáo Bắc Kỳ) kêu gọi Tăng Ni, tín đồ nắm thời cơ vùng lên giành độc lập “ *Tăng, ni các hạt mau mau lập thành đoàn thể Tăng già Cứu Quốc, theo mục đích mà tham gia vào cuộc cách mạng hiện thời*”. (4)

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, chính quyền non trẻ đối diện ba “giặc” là giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Trong bối cảnh kẻ thù tìm cách lợi dụng mâu thuẫn tôn giáo để phá hoại khối đoàn kết dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định nguyên tắc: “ *tất cả các công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống,..; Thực dân và phòng kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào và đồng bào lương, để dẫn dắt thống trị. Tôi đề nghị chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết*”(5). Đây là cơ sở pháp lý và tinh thần để Phật giáo tiếp tục gắn bó với sự nghiệp bảo vệ chính quyền cách mạng.

Hưởng ứng **Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến** của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 19/12/1946, , Tăng Ni và Phật tử cả nước tiếp tục sát cánh cùng đồng bào bảo vệ Tổ quốc. Chỉ hơn hai tháng sau, ngày 27/2/1947, tại chùa Cổ Lễ (Nam Định), 27 vị sư long trọng tổ chức nghi thức “**Cởi áo cà sa, khoác chiến bào**”, khởi nguồn cho phong trào rộng khắp Tăng Ni, Phật tử tham gia chiến đấu. Sự kiện ấy không chỉ đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ từ hành đạo sang nhập thế cứu nước, mà còn được lưu truyền trong dân gian qua những vần thơ thấm đượm tinh thần yêu nước của Phật giáo Việt Nam.

“Cởi áo cà sa khoác chiến bào

Việc quân đâu có quản gian lao

Gậy thép quét sạch quân xâm lược

Theo gót Trưng Vương tô nữ hảo” (6)

Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Phật giáo Việt Nam đã phát huy mạnh mẽ truyền thống “*hộ quốc an dân*”, gắn đạo pháp với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đông đảo Tăng, Ni và Phật tử tham gia kháng chiến với hai vai trò song hành: trực tiếp chiến đấu và làm hậu cần chiến lược. Nhiều ngôi chùa trở thành “*pháo đài*” thầm lặng của cách mạng nơi hội họp bí mật, che giấu cán bộ, chiến sĩ, dự trữ quân lương, chôn giấu vũ khí và in ấn tài

liệu tuyên truyền. Không ít bậc cao tăng như Thích Mật Thể, Thích Trí Thủ ở Huế gia nhập Mặt trận Việt Minh, góp phần định hướng và lãnh đạo phong trào Phật giáo yêu nước. Sự ra đời và hoạt động mạnh mẽ của Hội Phật giáo Cứu quốc trên phạm vi toàn quốc đã khẳng định tầm vóc tổ chức và sức huy động của Phật giáo trong thời chiến.

Bên cạnh chiến đấu, Tăng Ni còn tích cực tham gia diệt “*giặc đói*”, “*giặc dốt*” và chống “*giặc ngoại xâm*”. Chùa trở thành trường học bình dân; nhà sư trở thành thầy giáo; những vật phẩm thiêng như lư hương, chuông đồng được hiến tặng để đúc vũ khí. Các phong trào nhân đạo, tiêu biểu là “*Mặt trận nhân dân cứu đói*” do Thích Hiền Pháp một tổng những người khởi xướng và chiến dịch “*nhường cơm, sẻ áo*”, đã góp phần tạo nên hậu phương vững mạnh, nuôi dưỡng ý chí kháng chiến.

Như vậy, trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, Phật giáo Việt Nam vừa là lực lượng đấu tranh trực diện trên mặt trận chính trị - quân sự, vừa là điểm tựa tinh thần và vật chất bền bỉ của dân tộc, giữ vững “*đạo mạch*” giữa khói lửa, đúng tinh thần “*Âm thầm giữ gìn đạo mạch trong cơn binh lửa và ủng hộ Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh*”.(7)

3. Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước

3.1. Phật giáo và phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc

Khác với thời kỳ kháng chiến chống Pháp, thời kỳ chống Mỹ chứng kiến sự phân hóa sâu sắc trong tổ chức và hoạt động của giới Phật giáo, đặc biệt là tại miền Nam. Tuy nhiên, chính trong sự phức tạp đó, vai trò yêu nước và chống chiến tranh của một bộ phận lớn giới tăng sĩ, trí thức Phật giáo đã được thể hiện rõ ràng.



Hình mang tính minh họa

Trước tình hình đất nước bị chia cắt thành hai miền, chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam áp dụng chính sách kỳ thị tôn giáo, nuôi dưỡng âm mưu chia cắt lâu dài. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi Tăng Ni, Phật tử: *“Hãy ra sức giúp đỡ cán bộ, hăng hái thực hiện mọi công tác của Chính phủ, chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, ngăn chặn âm mưu của Mỹ - Diệm và bọn tay sai chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, hãy ra sức đấu tranh giành thống nhất đất nước”* (8). Người luôn trân trọng, đánh giá cao sự hy sinh, đóng góp của giới Phật giáo trong hai cuộc kháng chiến. Trong thư gửi Đại hội III, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, Người viết: *“Các vị Tăng Ni, tín đồ Phật giáo trước đây có công với kháng chiến, nay thì đang góp sức cùng toàn dân xây dựng miền Bắc giàu mạnh và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”* (9).

Tình hình trở nên căng thẳng hơn từ đầu thập niên 1960, khi phong trào phản đối chính sách *“Áp chiến lược”* và các cuộc hành quân càn quét của Mỹ - Diệm đã tạo bối cảnh bất ổn. Ngòi nổ trực tiếp bùng phát vào tháng 5/1963, khi chính quyền ban hành lệnh cấm treo cờ Phật giáo nhân dịp lễ Phật đản, trái ngược với quyền tự do tôn giáo. Ngày 07/05/1963, lệnh cấm gây nên cuộc biểu tình lớn ở Huế với sự dẫn đầu của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết. Tiếp đó, ngày 08/05, lực lượng an ninh nổ súng vào đoàn người biểu tình, làm gần 30 người thiệt mạng một sự kiện được coi là bước ngoặt, thổi bùng làn sóng phản nộ trong cộng đồng Phật tử.

Ngày 10/05/1963, trước tình trạng kỳ thị tôn giáo và đàn áp Phật giáo gia tăng, Tổng hội Phật giáo Việt Nam đã ra tuyên bố “**Năm yêu sách**”, đòi chính quyền bãi bỏ lệnh cấm treo cờ, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, sửa đổi các quy định mang tính phân biệt, chấm dứt hành vi khủng bố và bồi thường cho những người bị hại. Tuy nhiên, thay vì đáp ứng, chính quyền lại áp dụng các biện pháp hà khắc như giới nghiêm, bao vây chùa chiền, gia tăng đàn áp. Chính sách đối đầu này không chỉ đẩy mâu thuẫn lên cao mà còn biến các cuộc phản đối ban đầu thành phong trào đấu tranh rộng lớn, lan tỏa nhanh chóng và thu hút sự hưởng ứng mạnh mẽ của sinh viên, trí thức cùng đông đảo quần chúng.

Từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 06/1963, hàng loạt cuộc biểu tình, tuyệt thực, cầu siêu đồng loạt diễn ra ở nhiều tỉnh thành. Các cuộc tuần hành ôn hòa bị trấn áp bằng lựu đạn, hơi cay và bạo lực, gây thương vong lớn. Ngày 11/06/1963, trước sự bế tắc trong thương lượng và thái độ đàn áp tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu tại Sài Gòn, biến thân mình thành “ngọn lửa thiêng” để phản đối bất công và bảo vệ tự do tín ngưỡng. Hình ảnh ấy không chỉ gây chấn động trong nước mà còn lay động lương tri toàn thế giới, trở thành biểu tượng bất khuất của tinh thần đấu tranh bất bạo động.



Hình mang tính minh họa

Cảm phục trước sự hy sinh cao cả này, Bác Hồ đã trân trọng lưu giữ tin tức và công đức của Ngài, kính viếng bằng câu đối:

Vì pháp thiêu thân vạn cổ hùng huy thiên nhật nguyệt

Lưu danh bất tử bách niên chính khí địa sơn hà (10).

Trên bình diện quốc tế, sự kiện được nhìn nhận như “*một hành động tiêu biểu vĩ đại... chống lại sự bất công, bất chính của toàn thế giới... một kháng nghị cao đẹp, lòng lầy, chống lại mọi xấu xa đê hèn*” (11) rằng “*Vụ Phật giáo năm 1963 đã làm chấn động các quốc gia ngoài châu Á kể từ khi xảy ra vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức: Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Thụy Sĩ, Bỉ, Úc, Đức... Tấm hình tự thiêu của Hòa thượng đã được phổ biến khắp thế giới, từ trên bàn giấy của Tổng thống Hoa Kỳ tới văn phòng các lãnh tụ Trung Hoa và chính nước cộng sản này đã cho in ra hàng triệu tấm hình ấy để phân phát đi khắp Á Phi với lời ghi chú: Một tăng sĩ Phật giáo Việt Nam tự thiêu trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ - Diêm*” (12). Tấm ảnh do Malcolm Browne (AP) chụp lan truyền khắp nơi, từ bàn làm việc của Tổng thống Mỹ đến các văn phòng lãnh đạo ở Trung Quốc, và thậm chí được in hàng triệu bản để phát ở Á - Phi kèm chú thích về cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diêm.

3.2. Quá trình trực tiếp tham gia vào sự nghiệp kháng chiến của Phật giáo

Trước bối cảnh chiến tranh ác liệt Tăng, Ni, Phật tử đã rời bỏ đời sống tu hành thanh tịnh, “*cởi cà sa, khoác chiến bào*”, trực tiếp tham gia vào lực lượng vũ trang, đảm nhiệm các nhiệm vụ trọng yếu như hậu cần, y tế, tiếp tế, vận chuyển lương thực và bảo vệ cơ sở cách mạng. Đây không chỉ là sự hy sinh cá nhân mà còn thể hiện sự lựa chọn mang tính lịch sử: đặt lợi ích dân tộc và độc lập tự do của Tổ quốc lên trên lợi ích cá nhân và nhà chùa.

Tại các vùng giải phóng, sự ra đời của các Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước là minh chứng cho nỗ lực tổ chức và vận động có hệ thống. Các ban này vừa duy trì đời sống tôn giáo cơ bản giúp quần chúng Phật tử yên tâm về mặt tinh thần vừa tích cực vận động, kết nối tăng ni, Phật tử tham gia kháng chiến. Điều này góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, trong đó tôn giáo trở thành một thành tố quan trọng của sức mạnh tổng hợp.

Từ sau Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, phong trào Phật giáo yêu nước ở đô thị miền Nam đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chính trị, xã hội khác để tiến hành nhiều hình thức đấu tranh như biểu tình, tuyệt thực, mít-tinh, tổ chức thuyết giảng phản chiến và vận động quốc tế. Các hoạt động này đã góp phần quan trọng vào mặt trận ngoại giao, làm giảm uy tín của Mỹ trên trường quốc tế, đồng thời tác động mạnh đến tâm lý quân đội Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Đỉnh cao của quá trình này diễn ra trước và sau Hiệp định Paris 1973. Trong bối cảnh đàm phán quốc tế căng thẳng, Phật giáo cùng các tầng lớp nhân dân tiếp

tục kiên trì đấu tranh buộc Mỹ thực hiện cam kết rút quân. Sự kết hợp giữa sức ép quân sự, chính trị và ngoại giao trong đó Phật giáo đóng vai trò như một kênh vận động quần chúng và truyền thông đặc biệt đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi để quân và dân ta tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước ngày 30/04/1975.

4. Ý nghĩa lịch sử và tư tưởng của sự đồng hành Phật giáo, dân tộc

Gần 80 năm qua, Phật giáo Việt Nam đã đồng hành cùng dân tộc, đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Với tinh thần “*Đạo pháp, dân tộc, Chủ nghĩa xã hội*” và triết lý hướng đến con người, các hoạt động Phật sự luôn gắn bó với lợi ích của nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong kháng chiến, nhiều tăng ni, Phật tử trực tiếp tham gia cách mạng, biến chùa chiền thành nơi che chở cán bộ, cung cấp nhân lực, vật lực cho tiền tuyến. Nhiều tấm gương tiêu biểu như Ni trưởng Thích Đàm Thảo ở chiến trường Điện Biên Phủ, 27 nhà sư thành lập Trung đội Phật tử ở chùa Cổ Lễ (1947), hay 5 nhà sư chùa Thắng Phúc hy sinh hưởng ứng Lời kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến” đã khắc họa tinh thần yêu nước, hy sinh vì độc lập, tự do.

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) hiện quản lý gần 58.000 tăng ni, hơn 18.500 tự viện và hàng chục triệu tín đồ (13) trở thành lực lượng nòng cốt trong khối đại đoàn kết dân tộc. Các hoạt động hoằng pháp, giáo dục đạo đức, trại hè, khóa tu... giúp định hướng lối sống lành mạnh, trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật. Công tác từ thiện xã hội được duy trì rộng khắp: nuôi dưỡng trẻ mồ côi, người già neo đơn, cứu trợ thiên tai, khám chữa bệnh miễn phí, hỗ trợ lực lượng biên giới, hải đảo. Đặc biệt, trong dịch Covid-19, Giáo hội đã đóng góp hàng nghìn tấn lương thực, thiết bị y tế, hàng triệu suất ăn và tình nguyện phục vụ tại các bệnh viện dã chiến.

Nhiều tăng ni tham gia Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, đóng góp xây dựng chính sách tôn giáo, đảm bảo hài hòa lợi ích quốc gia và tôn giáo. Hoạt động đối ngoại, giao lưu quốc tế được đẩy mạnh, nâng cao vị thế Việt Nam và khẳng định chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước.

Trong tiến trình lịch sử dân tộc, Phật giáo Việt Nam luôn là một bộ phận gắn bó chặt chẽ với vận mệnh quốc gia, đồng hành cùng dân tộc qua mọi thăng trầm. Tại Đại lễ Phật đản, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã khẳng định: “*Trong bất cứ thời kỳ nào của lịch sử, Phật giáo cũng có những đóng góp xứng*

đáng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần “Hộ quốc, an dân” và phương châm “Đạo pháp - Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội” (14). Nhận định này không chỉ ghi nhận vai trò lịch sử của Phật giáo, mà còn nhấn mạnh sự hòa quyện giữa giá trị tôn giáo và lý tưởng dân tộc, tạo nên nguồn sức mạnh bền bỉ trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Với hệ giá trị nhân văn sâu sắc, Phật giáo không chỉ ảnh hưởng đến tư tưởng, đạo đức và lối sống của người Việt, mà còn để lại những di sản văn hóa tinh thần độc đáo, góp phần làm giàu bản sắc văn minh, văn hiến Việt Nam. Trong bối cảnh mới, vai trò này tiếp tục được khẳng định qua phương châm hành động mà Thủ tướng đề nghị Giáo hội Phật giáo Việt Nam thực hiện: “1 đẩy mạnh - 2 tiên phong - 3 trọng tâm”. Đây không chỉ là định hướng cho hoạt động Phật sự, mà còn là gợi mở quan trọng cho nghiên cứu về sự thích ứng và phát triển của Phật giáo Việt Nam trong đời sống đương đại.

Kết luận

Nhìn lại chặng đường lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, có thể khẳng định rằng Phật giáo Việt Nam đã khắc sâu dấu ấn như một bộ phận không thể tách rời của vận mệnh quốc gia. Từ những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp đến giai đoạn chống Mỹ cứu nước, Phật giáo đã vận dụng tinh thần “hộ quốc an dân” để hòa mình vào dòng chảy cách mạng. Nhiều tăng ni, Phật tử không chỉ góp trí, góp lực mà còn hy sinh thân mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc; nhiều ngôi chùa trở thành căn cứ kháng chiến, là điểm tựa tinh thần và vật chất cho quân dân ta.

Những cống hiến đó bắt nguồn từ truyền thống nhập thế của Phật giáo Việt Nam, kế thừa tinh thần của các bậc thiền sư, danh tăng qua các triều đại đã từng “phù vua, giúp nước” và vun đắp nền văn minh Đại Việt. Chính sự gắn bó này đã làm phong phú thêm bản sắc văn hóa dân tộc, hun đúc nên sức mạnh tinh thần to lớn trong các cuộc kháng chiến.

Trong tiến trình lịch sử, từ kháng chiến đến kiến quốc, Phật giáo Việt Nam luôn chứng minh sức sống mạnh mẽ của mình, vừa là chỗ dựa tinh thần, vừa là lực lượng đồng hành cùng dân tộc trên mọi chặng đường. Đó chính là minh chứng sinh động cho mối quan hệ bền chặt giữa “Đạo pháp” và “Dân tộc” mối quan hệ đã, đang và sẽ tiếp tục tỏa sáng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tác giả: **ThS. Đỗ Thị Ngọc Anh**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

- 1] Học viện Chính trị khu vực III, 215 Nguyễn Công Trứ, Sơn Trà, TP.Đà Nẵng.
- 2] Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo, Nxb tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr 167.
- 3] Tran Thanh Hung, 1978, Buddhism and Politics in Southeast Asia (luận án tiến sĩ) Michigan, USA, tr.319
- 4] Nguyễn Lang, 1994, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập III, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.206.
- 5] Hồ Chí Minh, 2011, toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.7-8
- 6] Xem: Ngọc Thắng, Những ngôi chùa cổ linh thiêng nổi tiếng tại Nam Định, tạp chí Phật giáo, 2024. <https://tapchinghiencuuphathoc.vn/nhung-ngoi-chua-co-linh-thieng-noi-tieng-tai-nam-dinh.html>
- 7] Lê Tâm Đắc, 2012, Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924 - 1954), Nxb, Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.280
- 8] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.39
- 9] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.39
- 10] Phạm Hoài Nam (2005), Bồ tát Thích Quảng Đức ngọn đuốc xả thân vì Đạo pháp và Tổ quốc, Báo Sài Gòn Giải phóng, ngày 30/5.
- 11] Thích Mãn Giác (1964), Ông René De Berval, Nguyệt san Liên Hoa, Huế, ngày 27/2, tr. 37-38.
- 12] Hoàng Xuân Hào (1972), *Phật giáo và chính trị tại Việt Nam ngày nay*, Quyển 1 (Luận án Tiến sĩ Luật khoa - Ban Công pháp, Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn: 266.
- 13] Xem: **Hòa thượng Thích Thiện Nhơn**, Chủ tịch Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Phật giáo Việt Nam đồng hành với sự phát triển của đất nước*, Báo quân đội Nhân dân, 2022. <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/dan-toc-ton->

14] Xem: Thanh Giang, Thủ tướng Phạm Minh Chính chúc mừng Đại lễ Phật đản, Báo Nhân dân, 2024. <https://nhandan.vn/thu-tuong-pham-minh-chinh-chuc-mung-dai-le-phat-dan-post755722.html>

Tài liệu tham khảo:

Sách

- 1) Nguyễn Lang (1974), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, NXB Văn học.
- 2) Thích Mãn Giác (1961), Ông René De Berval, Nguyệt san Liên Hoa, Huế.
- 3) Trần Văn Giàu (1980), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam*, tập III, NXB TP. Hồ Chí Minh.
- 4) Nguyễn Hữu Sơn (ch.b), (2015), *Phật giáo và cách mạng Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.
- 5) Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
- 6) *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo* (2011), Nxb tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- 7) Lê Đắc Tâm (2012), *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924 - 1954)*, Nxb, Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Tạp chí và báo:

- 1) Nguyễn Đại Đồng (2014), *Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo.
- 2) Nguyễn Thị Minh (2020), *“Phật giáo Việt Nam và vai trò trong kháng chiến chống Mỹ”*, Tạp chí Khoa học Tôn giáo, số 2(18).
- 3) Hòa thượng Thích Thiện Nhơn (2022), Chủ tịch Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Phật giáo Việt Nam đồng hành với sự phát triển của đất nước*, Báo Quân đội Nhân dân.
- 4) Nguyễn Thị Như (2014), *Quan điểm của Đảng về tôn giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Tạp chí Lịch sử Đảng.
- 5) Phạm Hoài Nam (2005), *Bồ tát Thích Quảng Đức ngọn đuốc xả thân vì Đạo pháp và Tổ quốc*, Báo Sài Gòn Giải phóng, ngày 30/5.

6) Duy Thái (2024), *Phật giáo Việt Nam đã góp phần ổn định xã hội, thúc đẩy đất nước phát triển*, Tạp chí Quản lý nhà nước và Lao động.

7) Ngọc Thắng (2024), *Những ngôi chùa cổ linh thiêng nổi tiếng tại Nam Định*, Tạp chí Phật giáo.

8) Lê Thị Kiều Trinh (2024), *Khái lược về chủ đề “phụng đạo, yêu nước, hộ quốc, an dân” của Phật giáo Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Phật học.

Công trình nghiên cứu luận án tiến sĩ:

1) Hoàng Xuân Hào (1972), *Phật giáo và chính trị tại Việt Nam ngày nay*, Quyển 1 (Luận án Tiến sĩ Luật khoa - Ban Công pháp, Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn: 266.

2) Tran Thanh Hung, 1978, *Buddhism and Politics in Southeast Asia* (luận án tiến sĩ) Michigan, USA, tr.319